

Số: 905/CNG-CBTT

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 06 năm 2020

V/v: Công bố thông tin ký hợp đồng kiểm
toán Báo cáo tài chính năm 2020.

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC.K. TP HCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM

Công ty: Công ty Cổ Phần CNG Việt Nam

Mã chứng khoán: CNG

Trụ sở chính: Số 61B – Đường 30/4 – Phường Thắng Nhất – Tp. Vũng Tàu.

Điện Thoại: 0254. 3574.635

Fax: 0254 .3574.619

Loại thông tin công bố: X 24 giờ 72 giờ theo yêu cầu Định kỳ

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Văn Thục – Giám đốc Công ty.

Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam công bố thông tin đã ký hợp đồng số 6328/Pwc-HCMC/HĐ/2020 ngày 29/6/2020 về việc Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 với Công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam ngày 29/6/2020 tại đường dẫn <https://cng-vietnam.com/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; CBTT. S.03



Người thực hiện công bố thông tin



GIÁM ĐỐC
Vũ Văn Thục

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN
Số: 6328/PwC-HCMC/HĐ/2020

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015,
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005,
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng dịch vụ của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam và khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH PwC (Việt Nam);

Hôm nay, ngày 29 tháng 06 năm 2020, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hợp đồng kiểm toán được lập giữa (“Hợp đồng”):

BÊN A: Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Địa chỉ : Số 61B, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại : (0254) 357 4635 Fax: (0254) 357 4619
Mã số thuế : 3500800828
Người được ủy quyền hợp pháp: Ông Bùi Văn Đản Chức vụ: Phó Giám đốc theo giấy ủy quyền số 02/UQ-GĐ ngày 2 tháng 1 năm 2018.

(Sau đây gọi tắt là Bên A)

BÊN B: Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (sau đây được gọi là “PwC”)

Địa chỉ : Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : +8428.3823 0796
Mã số thuế : 0100157406
Số tài khoản : VND: 3009523, tại Ngân hàng ANZ Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Người được ủy quyền hợp pháp: Ông Mai Viết Hùng Trân Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc theo giấy ủy quyền ngày 1 tháng 7 năm 2019, bản sao giấy ủy quyền có xác nhận của Bên B đính kèm theo Hợp đồng này.

(Sau đây gọi tắt là Bên B)

Mỗi bên được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”.

Các Bên cùng nhau thỏa thuận và ký kết Hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán độc lập (sau đây được gọi tắt là “Dịch vụ”) sau khi Bên B được bổ nhiệm làm kiểm toán viên theo luật định của Bên A để kiểm toán Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Báo cáo Tài chính của Bên A cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính (sau đây gọi tắt là “Báo cáo Tài chính”). Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán độc lập về Báo cáo Tài chính của Bên A.

Chi tiết nội dung, phạm vi, và tiến độ thực hiện Dịch vụ được quy định tại Phụ lục của Hợp đồng này.

Điều 2: Quyền và Trách nhiệm của các bên

2.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

Người đại diện theo pháp luật của Bên A hiểu và xác nhận có trách nhiệm về việc:

- 2.1.1 Soạn lập các Báo cáo Tài chính thể hiện trung thực và hợp lý theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam;
- 2.1.2 Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các Báo cáo Tài chính để các Báo cáo Tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp;
- 2.1.3 Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - tất cả các tài liệu, thông tin mà Bên A nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo Tài chính như chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, và các tài liệu liên quan khác (bao gồm nhưng không giới hạn biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hàng năm);

- các tài liệu, thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Bên A cung cấp hoặc giải trình để phục vụ mục đích của cuộc kiểm toán;
 - quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán;
 - nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán;
- 2.1.4 Đảm bảo các thông tin cung cấp cho Bên B là chính xác, trung thực, đầy đủ và thông báo ngay cho Bên B biết nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với những thông tin Bên A đã cung cấp cho Bên B;
- 2.1.5 Đảm bảo Bên B có quyền sử dụng hợp pháp đối với các thông tin hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba mà Bên A cung cấp cho Bên B để thực hiện Dịch vụ, nếu có;
- 2.1.6 Tuân thủ kế hoạch kiểm toán do Bên B đề xuất mà Bên A đã đồng ý;
- 2.1.7 Thực hiện những biện pháp đảm bảo hợp lý để bảo vệ tài sản của Bên A tránh những mất mát, thiệt hại và để ngăn chặn và phát hiện gian lận, nhằm lẫn và việc không tuân thủ các quy định pháp luật;
- 2.1.8 Đồng ý không kiện cáo, khiếu nại các công ty khác trong mạng lưới của Bên B và các thành viên, giám đốc hoặc nhân viên của các công ty này khi các công ty này thay mặt Bên B thực hiện Dịch vụ và đã được sự đồng ý của Bên A. Các đơn vị này và nhân viên của họ có thể dựa vào điều này như là một bên trong Hợp đồng khi họ tham gia thực hiện Dịch vụ;
- 2.1.9 Người đại diện theo pháp luật của bên A có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Bên A”, về việc xác nhận trách nhiệm của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh cho năm hiện tại và cho các năm trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo Tài chính;
- 2.1.10 Phối hợp Bên B trong việc thực hiện Dịch vụ, có thông tin phản hồi kịp thời với Bên B nhằm giúp Bên B thực hiện công việc một cách thông suốt;
- 2.1.11 Thanh toán phí Dịch vụ cho Bên B đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 dưới đây.

2.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

- 2.2.1 Thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Bên B phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các Báo cáo Tài chính xét trên phương diện tổng thể, có sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo Tài chính. Các thủ tục thực hiện tùy thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo Tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã sử dụng và các ước tính kế toán của Bên A cũng như cách trình bày tổng quát của Báo cáo Tài chính;
- 2.2.2 Bố trí các nhân viên có trình độ và kỹ năng phù hợp để thực hiện Dịch vụ;
- 2.2.3 Được quyền tiếp cận các nhân viên của Bên A để thu thập các bằng chứng kiểm toán và hồ sơ cần thiết;
- 2.2.4 Thực hiện Dịch vụ như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này. Tuy nhiên việc thực hiện Dịch vụ cũng sẽ phụ thuộc vào mức độ và chất lượng của các thông tin mà Bên A cung cấp cho Bên B và vào việc Bên A thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí Dịch vụ cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này;
- 2.2.5 Phát hành ý kiến kiểm toán cho Bên A về việc liệu các Báo cáo Tài chính của Bên A, xét trên các khía cạnh trọng yếu, có thể hiện trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Bên A tại ngày lập bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Bên A trong giai đoạn/niên độ kết thúc tại ngày đó, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày và soạn lập báo cáo tài chính tại Việt Nam;
- 2.2.6 Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, Các Bên đồng ý rằng có thể có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu của Báo cáo Tài chính mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

Điều 3: Giá trị Hợp đồng và thanh toán

3.1 Giá trị Hợp đồng

- Mức phí Dịch vụ là **460.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu đồng chẵn), đã bao gồm phụ phí và bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng.
- Mức phí Dịch vụ của Bên B được ước tính dựa trên cơ sở mức độ trách nhiệm, trình độ chuyên môn của chuyên gia tham gia thực hiện và thời gian cần thiết để tiến hành công việc như kế hoạch đề ra.
- Mức phí Dịch vụ ước tính trên đây dựa trên cơ sở Bên A sẽ lập các Báo cáo Tài chính bằng tiếng Việt, các chứng từ kế toán, sổ sách và hồ sơ của Bên A được lưu giữ tốt và nhân sự của Bên A sẽ hỗ trợ đầy đủ cho Bên B trong suốt quá trình Bên B thực hiện Dịch vụ. Điều này cũng phụ thuộc vào việc Bên A hoàn thành và cung cấp kịp thời cho Bên B các thông tin quy định tại “Tài liệu hỗ trợ khách hàng” (CAS). CAS liệt kê các thông tin mà Bên B phải có để có thể thực hiện Dịch vụ theo thời gian biểu mà Bên B đề xuất. Bên B sẽ cung cấp CAS cho Bên A trước khi bắt đầu thực hiện Dịch vụ.
- Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, nếu Bên B nhận thấy cần thiết phải mở rộng phạm vi Dịch vụ vì lý do không thể dự kiến trước vào thời điểm ký Hợp đồng này, thì Bên B có thể phải xem xét lại mức phí ước tính. Bên B sẽ thông báo trước cho Bên A ngay khi tình huống này phát sinh và Các Bên sẽ thỏa thuận mức phí tăng thêm (nếu cần thiết).
- Nếu Bên B phải cung cấp thông tin về Bên A hoặc Dịch vụ theo quy định pháp luật hoặc quy trình bắt buộc khác, Bên A sẽ hoàn trả các chi phí hợp lý mà Bên B phải chịu liên quan đến việc cung cấp thông tin này.

3.2 Thanh toán

- a. 20% tổng mức phí dịch vụ tương đương với 92.000.000 VND (Bằng chữ: chín mươi hai triệu đồng chẵn) thanh toán không muộn hơn 15 Ngày Làm Việc ngay sau khi ký kết Hợp Đồng này.

- b. 25% tổng mức phí dịch vụ tương đương với 115.000.000 VND (*Bằng chữ: một trăm mười lăm triệu đồng chẵn*) thanh toán không muộn hơn 5 Ngày Làm Việc sau khi phát hành báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ năm 2020 và khi Bên B cung cấp đầy đủ các Giấy tờ hợp lệ sau:
- ✓ Đơn đề nghị thanh toán 25% giá trị hợp đồng;
 - ✓ Hóa đơn tài chính 45% giá trị hợp đồng: 01 bản gốc;
 - ✓ Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ năm 2020.
- c. 55% tổng mức phí dịch vụ tương đương với 253.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi ba triệu đồng chẵn*) thanh toán không muộn hơn 5 Ngày Làm Việc sau khi phát hành báo cáo tài chính năm 2020 và khi Bên B cung cấp đầy đủ các Giấy tờ hợp lệ sau:
- ✓ Đơn đề nghị thanh toán 55% giá trị hợp đồng;
 - ✓ Hóa đơn tài chính 55% giá trị hợp đồng: 01 bản gốc;
 - ✓ Báo cáo tài chính năm 2020.

Bất kỳ khoản phí nào chưa được thanh toán theo đúng thời hạn như quy định ở bảng trên sẽ được tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định có hiệu lực vào ngày Bên A thực hiện thanh toán cho Bên B và lãi suất sẽ được tính từ thời điểm quá hạn thanh toán cho đến thời điểm thanh toán thực tế. Tuy nhiên, Bên B có toàn quyền quyết định tạm ngưng cung cấp Dịch vụ nếu Bên A trì hoãn thanh toán quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày đến hạn thanh toán.

Điều 4: Bảo mật

- 4.1 Bên B sẽ bảo mật tất cả thông tin mà Bên B nhận được từ Bên A theo Hợp đồng và sẽ không tiết lộ trừ khi theo yêu cầu pháp luật hoặc cơ quan quản lý chuyên môn. Bên B có thể cung cấp thông tin cho các công ty PwC và các bên khác liên quan đến Hợp đồng hoặc Dịch vụ trên cơ sở họ có nghĩa vụ bảo mật. Thông tin có thể được xử lý và chuyển đến các bên hỗ trợ vận hành và quản lý hệ thống quan hệ khách hàng của Bên B.
- 4.2 Hai bên cùng hợp tác thực hiện các nghĩa vụ tương ứng theo pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân. Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của Bên B nêu tại <https://www.pwc.com/vn/vn/about-us/privacy-statement.html>

Điều 5: Sở hữu trí tuệ

Các giấy tờ và hồ sơ kiểm toán liên quan đến việc kiểm toán và cung cấp Dịch vụ do Bên B tạo ra trong quá trình thực hiện và cung cấp Dịch vụ, kể cả các tài liệu và hồ sơ kiểm toán bằng điện tử, là tài sản sở hữu trí tuệ của riêng Bên B.

Điều 6: Báo cáo

Khi kết thúc công việc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho bên A mười (10) bộ báo cáo kiểm toán bằng tiếng Việt và năm (05) bộ báo cáo kiểm toán bằng tiếng Anh để đính kèm vào các báo cáo tài chính của Công ty.

Nếu Bên A dự định phát hành hoặc tái phát hành báo cáo của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin tham khảo đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét và như vậy sẽ liên quan đến Bên B bởi các tài liệu đó, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản thảo của tài liệu này để đọc và chỉ phát hành, phổ biến các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản. Việc sử dụng một phần hoặc tham khảo đến báo cáo kiểm toán độc lập/báo cáo soát xét của Bên B trong các tài liệu trên có nghĩa là Bên B sẽ phải phát hành lại báo cáo. Bên A cũng đảm bảo sẽ thông báo cho Bên B và phải được Bên B đồng ý bằng văn bản trước khi phổ biến báo cáo của Bên B trên bất kỳ hệ thống thông tin điện tử nào.

Cam kết của Bên B trong việc thực hiện các dịch vụ nêu trên không bao gồm việc đồng ý liên quan đến các tài liệu phát hành hoặc tái phát hành bởi hoặc thay mặt cho Bên A. Mọi yêu cầu của Bên A để tái phát hành báo cáo của Bên B hoặc tham khảo Báo cáo của Bên B trong các thư chào hàng, chào bán chứng khoán, các tài liệu hoặc việc phổ biến trên hệ thống thông tin điện tử sẽ được xem xét trên cơ sở tình hình thực tế tại thời điểm được yêu cầu. Phí dịch vụ đưa ra trong hợp đồng này không bao gồm bất kỳ dịch vụ nào liên quan tới những yêu cầu trên. Phí của các dịch vụ theo yêu cầu nêu trên được thực hiện bởi Bên B (cũng như phạm vi của dịch vụ) sẽ do hai bên thỏa thuận và sẽ được trình bày trong một hợp đồng khác hoặc bằng một thỏa thuận riêng.

Ngoài báo cáo kiểm toán, Bên B sẽ phát hành thư quản lý (nếu có) hoặc bản tóm tắt kết quả kiểm toán cho Bên A và báo cáo trực tiếp tới Ban Giám đốc của Bên A.

Điều 7: Giới hạn trách nhiệm của Bên B

- 7.1 Bên B sẽ dựa vào thông tin do Bên A cung cấp theo quy định tại Điều 2.1 của Hợp đồng này để thực hiện Dịch vụ.
- 7.2 Toàn bộ trách nhiệm pháp lý của Bên B liên quan đến Dịch vụ hoặc Hợp đồng không vượt quá ba lần mức phí của phần Dịch vụ phát sinh trách nhiệm đó.
- 7.3 Liên quan đến Dịch vụ và Hợp đồng này, Bên B không chịu trách nhiệm pháp lý đối với (i) tổn thất, thiệt hại gián tiếp, ngẫu nhiên hoặc mang tính hệ quả, (ii) tổn thất về lợi nhuận, lợi thế thương mại, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tiết kiệm hoặc lợi ích ước tính, và (iii) mất mát hoặc hư hỏng dữ liệu.
- 7.4 Bên A đồng ý rằng bất cứ nghĩa vụ pháp lý nào liên quan đến Dịch vụ hoặc Hợp đồng này sẽ là nghĩa vụ pháp lý chỉ của Bên B. Bên A đồng ý không khiếu kiện cá nhân nào của Bên B (kể cả do sơ suất). Do đó, Bên B đồng ý rằng sẽ thay thế nhân sự liên quan đến Dịch vụ hoặc Hợp đồng này ngay sau khi Bên A yêu cầu.

Điều 8: Thời gian thực hiện hợp đồng, Kế hoạch thực hiện kiểm toán/ soát xét

- 8.1 Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 9 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cho đến khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ như quy định trong hợp đồng.

- 8.2 Kế hoạch thực hiện kiểm toán/ soát xét
 Bên B dự tính sẽ lập kế hoạch thực hiện kiểm toán/soát xét như sau:

Kế hoạch thực hiện kiểm toán/ soát xét	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Thời gian dự kiến kết thúc
Thực hiện các thủ tục soát xét	13/07/2020	17/07/2020
Thực hiện các thủ tục kiểm toán sơ bộ	26/10/2020	30/10/2020
Quan sát kiểm kê tiền mặt, tồn kho, TSCĐ cuối năm	25/12/2020	31/12/2020
Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm	18/01/2021	25/01/2021
Lập báo cáo:		
Dự thảo báo cáo soát xét về báo cáo tài chính		26/07/2020
Báo cáo soát xét chính thức về báo cáo tài chính		06/08/2020
Dự thảo báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính		13/02/2021
Báo cáo kiểm toán độc lập chính thức về báo cáo tài chính		20/02/2021
Thư quản lý (nếu có)		

Điều 9: Chấm dứt Hợp đồng

9.1 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Bên A

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên B bằng văn bản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và phải thông báo cho Bên B trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày làm việc, nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

- Bên B không có chức năng cung cấp Dịch vụ theo quy định pháp luật và bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu đình chỉ việc cung cấp Dịch vụ; hoặc
- Bên B không tuân thủ cam kết về bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 4 trên đây; hoặc
- Bên B không tuân thủ các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này và trong thời hạn 1 (một) tháng kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị khắc phục của Bên A, Bên B vẫn không khắc phục được việc không tuân thủ đó.

Quyền đòi bồi thường theo quy định này của Hợp đồng có thể được thực hiện bằng việc khấu trừ vào phí Dịch vụ khi thanh toán.

Nếu Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng không theo quy định tại Hợp đồng này, Bên A sẽ phải thanh toán toàn bộ khoản phí Dịch vụ và chi phí phát sinh thực tế đối với Bên B (kể cả chi phí phải trả cho nhân viên và các chi phí liên quan) cho đến ngày chấm dứt Hợp đồng.

9.2 Quyền chấm dứt Hợp đồng của Bên B

Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên A bằng văn bản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và phải thông báo cho Bên A trước ít nhất là 14 (mười bốn) ngày làm việc, nếu xảy ra bất kỳ trường hợp nào sau đây:

- Bên A không thanh toán phí Dịch vụ theo đúng thời gian thỏa thuận như quy định trong Hợp đồng này; hoặc
- Bên A không tuân thủ kế hoạch kiểm toán mà Các Bên đã nhất trí hoặc không đáp ứng các yêu cầu của Bên B để hoàn tất Dịch vụ một cách đúng đắn mà không có lý do chính đáng mặc dù Bên B đã có văn bản yêu cầu thực hiện.

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng ngay bằng văn bản thông báo cho Bên A trong trường hợp có những thay đổi của luật hoặc những trường hợp khác vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý của Bên B có thể dẫn đến việc Bên B không còn đảm bảo tính độc lập hoặc ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện nghĩa vụ của Bên B trong việc cung cấp Dịch vụ cho Bên A.

Nếu Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng không theo quy định tại Hợp đồng này, Bên B sẽ phải hoàn lại cho Bên A toàn bộ khoản phí Dịch vụ mà Bên B đã nhận của Bên A.

9.3 Hợp đồng cũng có thể chấm dứt hiệu lực trong trường hợp sau:

- Do sự kiện bất khả kháng (là những sự kiện xảy ra không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết bao gồm nhưng không giới hạn những sự kiện như thiên tai, bão, lũ, động đất, bệnh dịch, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam) mà một bên hoặc các bên không có khả năng tiếp tục thực hiện Hợp đồng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ gửi văn bản thông báo chấm dứt cho bên kia trước ít nhất 14 (mười bốn) ngày làm việc. Không bên nào chịu trách nhiệm với bên kia nếu không đáp ứng được các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện bất khả kháng; hoặc
- Một bên bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể; hoặc
- Khi có thỏa thuận chấm dứt giữa các bên.

Điều 10: Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

10.1 Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam.

10.2 Các Bên cam kết thực hiện Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và vì lợi ích của Các Bên. Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Nếu tranh chấp không giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết chung cuộc bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam theo quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm này.

Điều 11: Tuyển dụng nhân sự của Bên B

Trong vòng sáu tháng từ khi chấm dứt Hợp đồng này, không Bên nào lôi kéo nhân viên của Bên kia đã tham gia hoặc liên quan đến Dịch vụ, trừ khi Bên kia đồng ý trước bằng văn bản.

Điều 12: Điều khoản chung

12.1 Trao đổi thông tin

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, việc trao đổi thông tin giữa các bên có thể thực hiện bằng lời nói, bằng email hoặc bằng văn bản. Báo cáo do Bên B trình cho Bên A theo từng giai đoạn của Dịch vụ sẽ luôn được thể hiện bằng văn bản.

Trong quá trình thực hiện Dịch vụ, chúng tôi có thể cấp quyền truy cập cho nhân viên của Công ty đến một số hệ thống của chúng tôi. Công ty chấp nhận rằng nhân viên của Công ty có thể truy cập vào hệ thống của chúng tôi bằng bất cứ thiết bị truy cập web nào. Công ty đồng ý chịu hoàn toàn trách nhiệm cho việc:

- a) Cung cấp thông tin của những nhân viên mà Công ty thấy cần truy cập vào hệ thống của chúng tôi và đảm bảo họ nhận biết và đồng ý bị ràng buộc bởi các điều kiện truy cập;
- b) Thông báo cho chúng tôi qua email khi nhân viên của Công ty thôi việc hoặc khi quyền truy cập của họ cần chấm dứt, và định kỳ rà soát quyền truy cập của các nhân viên để đảm bảo rằng nó vẫn còn phù hợp; và
- c) Đảm bảo nhân viên của Công ty mã hóa thông tin mật khi cần thiết trước khi đưa lên hệ thống của chúng tôi.

12.2 Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày các Bên ký và sẽ tự động thanh lý sau khi các bên đã thực hiện xong các cam kết ghi trong Hợp đồng này, bao gồm việc Bên A thanh toán hết tất cả các hóa đơn phí Dịch vụ cho Bên B.

12.3 Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

Bất kỳ thay đổi hoặc bổ sung nào đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này phải được lập thành văn bản có xác nhận của Các Bên và là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 4 (bốn) bản gốc bằng tiếng Việt. Mỗi bên giữ 2 (hai) bản gốc.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Bùi Văn Đản
Phó Giám đốc
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

ĐẠI DIỆN BÊN B



Mai Viết Hùng Trân
Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

PHỤ LỤC

NỘI DUNG, PHẠM VI, TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN DỊCH VỤ

A. Nội dung và phạm vi dịch vụ

Bên B thực hiện Dịch vụ theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này và trên cơ sở sau:

- Các thủ tục kiểm toán của Bên B được thiết lập nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các Báo cáo Tài chính xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không. Có những hạn chế tiềm tàng trong việc thực hiện một cuộc kiểm toán, ví dụ, việc kiểm toán được dựa trên việc kiểm tra chọn mẫu do đó có thể không phát hiện hết được các sai sót trọng yếu, đặc biệt khi có hành vi che giấu thông qua sự thông đồng, giả mạo chứng từ và các hành vi phạm pháp hay lừa dối khác. Vì vậy, cuộc kiểm toán của Bên B chỉ cung cấp một sự đảm bảo hợp lý mà không phải là một sự đảm bảo tuyệt đối rằng các Báo cáo Tài chính không có sai sót trọng yếu.
- Bản chất và mức độ kiểm tra của Bên B sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc Bên B đánh giá vấn đề nào là trọng yếu trong bối cảnh xem xét các Báo cáo Tài chính của Bên A, tùy thuộc vào đánh giá của Bên B về hệ thống kế toán của Bên A cũng như quyết định của Bên B về việc dựa vào hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A.
- Vì trách nhiệm của Bên B là đưa ra ý kiến kiểm toán đối với tổng thể các Báo cáo Tài chính chứ không phải đối với một bộ phận hay đơn vị riêng lẻ, nên bản chất và mức độ kiểm tra cũng như yêu cầu của Bên B tại mỗi bộ phận hay đơn vị riêng lẻ sẽ khác nhau phụ thuộc vào đánh giá của Bên B trong các tình huống đó.
- Công việc thực hiện trong quá trình kiểm toán không được thiết kế để nhằm phát hiện các vấn đề mà quản lý cần quan tâm hoặc nhằm xác định tính đầy đủ của hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm toán, nếu Bên B phát hiện có vấn đề quan trọng liên quan đến quản lý hoặc các khiếm khuyết lớn trong hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A, mà theo Bên B cần được Bên A quan tâm, thì Bên B sẽ báo cáo Bên A. Việc truyền đạt các vấn đề này (nếu có) sẽ được thực hiện bằng văn bản hoặc qua trao đổi bằng lời. Bất kỳ thông tin nào liên quan đến các vấn đề này, bao gồm cả các báo cáo bằng văn bản, đều không được cung cấp cho các bên thứ ba nào khác. Bên B sẽ không có nghĩa vụ hoặc chịu trách nhiệm với bất kỳ bên nào khác liên quan đến các thông tin hoặc các báo cáo như vậy.

- Ý kiến kiểm toán của Bên B chỉ nhằm phục vụ lợi ích của những người mà ý kiến kiểm toán được trình cho họ. Cuộc kiểm toán sẽ không được lập kế hoạch hoặc tiến hành với mục đích để cho bất kỳ bên thứ ba nào dựa vào đó, hoặc chú trọng vào một nghiệp vụ cụ thể nào đó. Do đó, sẽ có các khoản mục có thể được bên thứ ba quan tâm, nhưng không thuộc diện được Bên B đặc biệt chú ý, và có thể có các vấn đề được bên thứ ba diễn giải khác đi nhất là khi có liên quan một nghiệp vụ cụ thể.
- Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam yêu cầu Bên B phải đọc các báo cáo thường niên và các tài liệu khác có ý kiến kiểm toán của Bên B. Mục đích của việc này là nhằm xem xét liệu các thông tin khác trong báo cáo thường niên, bao gồm cả cách trình bày các thông tin trong đó, có nhất quán một cách trọng yếu với các thông tin trong Báo cáo Tài chính hay không. Bên B không có nghĩa vụ phải thực hiện việc xác minh các thông tin khác này như một phần của cuộc kiểm toán của Bên B.
- Bên B sẽ không được xem là đã được thông báo, về phương diện trách nhiệm kiểm toán, các thông tin mà Bên A đã cung cấp cho các công ty khác thuộc mạng lưới PwC, trừ những thông tin mà Bên A đã cung cấp cho những thành viên tham gia vào cuộc kiểm toán (ví dụ, thông tin cung cấp liên quan đến các dịch vụ tư vấn thuế).
- Vì cuộc kiểm toán năm trước được thực hiện bởi công ty kiểm toán khác nên Bên B có thể cần rà soát hồ sơ kiểm toán của công ty kiểm toán tiền nhiệm. Bên B có thể phải mở rộng phạm vi kiểm toán để xác minh về việc trình bày hợp lý các tài sản và nợ phải trả trọng yếu tại ngày trên bảng cân đối kế toán gần nhất đã được công ty kiểm toán tiền nhiệm phát hành ý kiến kiểm toán, và các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước. Trước khi việc rà soát này được tiến hành, Bên A sẽ chấp thuận cho phép công ty kiểm toán tiền nhiệm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bên B.

B. Tiến độ thực hiện dịch vụ

Thời gian

- | | |
|---|----------------------|
| • Thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ | 13 tháng 7 năm 2020 |
| • Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm | 25 tháng 12 năm 2020 |
| • Phát hành báo cáo kiểm toán cuối năm | 20 tháng 2 năm 2021 |